**Phụ lục. Tổng hợp các đề xuất của địa phương về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-BXD ngày tháng năm 2021)*

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| ***I*** | ***Các tiêu chí, tiêu chuẩn*** | | |
| 1.1 | Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò | | |
| 1.2 | Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội | Quy định tiêu chuẩn mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất, hiện nay các đô thị từ loại I trực thuộc tỉnh đến loại V (trừ đô thị trực thuộc trung ương) theo quy định của Tổng cục Thống kê không tính tiêu chuẩn này nên khó khăn trong quá trình xác định (Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ). | - Đề nghị nghiên cứu sửa đổi tiêu chuẩn khác phù hợp với tình hình thực tiễn.<br>- Quy định mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất thành mức tăng trưởng giá trị sản xuất trung bình 3 năm gần nhất để có cơ sở tính toán, xác định.<br>- Đề nghị điều chỉnh tiêu chuẩn đánh giá Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước để phù hợp hơn với mức độ phát triển kinh tế xã hội (Hưng Yên).<br>- Về tiêu chuẩn "Thu nhập bình quân đầu người": Thu nhập bình quân đầu người được xác định theo số liệu công bố của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên hiện nay chưa có hướng dẫn về cách tính thu nhập bình quân đầu người của cấp huyện, cấp xã, đồng thời số liệu của cơ quan thống kê chỉ thống kê thu nhập bình quân đầu người cấp tỉnh. Kiến nghị nên có hướng dẫn cụ thể hơn về cách tính (Bình Dương). |
| 1.3 | Quy mô dân số | - Quy định tiêu chí về dân số đối với đô thị loại II từ 200.000 đến 500.000 người. Tuy nhiên qua nghiên cứu thực tế hiện nay nhiều đô thị khó thực hiện tiêu chí về dân số này (Thái Nguyên). | - Đề nghị nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với thực tế của các đô thị hiện nay (Thái Nguyên, Quảng Ninh, Ninh Bình, Vĩnh Long).<br>- Giảm quy mô dân số đô thị để tạo điều kiện cho việc nâng loại đô thị đối với khu vực trung du, miền núi.<br>- Dân số khu vực nội thành, nội thị: Không phù hợp với đô thị loại IV là thị trấn và đô thị loại V do đó đề nghị bỏ tính điểm đối với tiêu chuẩn này vì đô |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | - Quy mô dân số toàn đô thị giữa đô thị loại I (từ 500.000 người trở lên) và loại II (từ 200.000 người trở lên); đô thị loại IV (từ 50.000 người trở lên) và đô thị loại V (từ 4.000 người trở lên) có khoảng cách lớn, dẫn đến khó khăn khi tổ chức nâng loại đô thị từ loại II lên loại I và từ loại V lên loại IV (Bắc Giang).<br><br>- Số liệu dân số dùng để xét loại V, IV, III khó đạt, gây ảnh hưởng tới dự kiến nâng cấp đô thị. Chênh lệch giữa dân số quản lý theo hộ khẩu và dân số theo thống kê của tổng cục thống kê (Nam Định).<br><br>- Một số tiêu chuẩn, tiêu chí tại NQ1210 có điểm tối thiểu khá cao (Quy mô dân số, Tỷ lệ tăng dân số hàng năm, Nhà tang lễ, Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn,…) trong khi đó thực trạng cơ sở hạ tầng của các địa phương xuất phát điểm thấp, còn thiếu rất nhiều, nguồn vốn bố trí đầu tư hàng năm còn hạn chế so với nhu cầu, chưa huy động được các nguồn lực đầu tư trong quá trình phát triển kinh tế xã hội địa phương, do đó các địa phương khó đáp ứng các quy định đạt chuẩn NLĐT (Ninh Thuận). | thị loại IV nếu chưa được công nhận là thị xã thì chưa phân thành khu vực nội thành, ngoại thành (Lai Châu).<br><br>- Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh quy mô dân số toàn đô thị đối với đô thị loại IV là 30.000 người trở lên; đối với đô thị loại IV không có khu vực nội thị (thị trấn) thì quy mô dân số toàn đô thị từ 20.000 người trở lên (Hà Nam).<br><br>- Kiến nghị với các tỉnh có đặc thù dân số ít, các tiêu chí về quy mô dân số, mật độ dân số có thể xem xét quy định ở mức thấp hơn so với các đô thị phát triển ở hai đầu đất nước, hoặc có thể xem xét thay đổi cách tính quy đổi dân số để làm tăng quy mô dân số đô thị (Quảng Trị).<br><br>- Đề xuất giảm chỉ tiêu dân số, mật độ dân số và một số chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật trong đô thị cho phù hợp với đặc thù khu vực miền núi (Gia Lai, Quảng Ngãi).<br><br>- Đề nghị cần quy định cách xác định quy mô dân số theo quy định ngành thống kê để thống nhất về mặt số liệu. Các tiêu chuẩn dân số đối với thị trấn loại IV hoặc loại V: Cần quy định cụ thể các tiêu chuẩn nội thị sẽ được tính bằng toàn đô thị (Đăăk Lăk).<br><br>- Đề nghị sửa đổi Khoản 3, Điều 10: "Đô thị được công nhận loại đô thị khi các tiêu chí đạt mức tối thiểu *(Trừ các tiêu chí về quy mô dân số và mật độ dân số)* và tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 75 điểm trở lên" (Bình Dương).<br><br>- Về tiêu chuẩn về *"Quy mô dân số"*: Theo hướng dẫn cách tính của NQ 1210 chỉ tiêu quy mô dân số được xác định gồm dân số thống kê thường trú và dân số tạm trú đã quy đổi. Dân số tạm trú từ 6 tháng trở lên được tính như dân số thường trú, dưới 6 tháng quy đổi về dân số thường trú. Để có số liệu tính toán cần phải xác định thêm số ngày tạm trú trung bình của một khách để quy đổi, trong khi hiện nay, trong số các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã có quy định về chỉ tiêu thống kê về quy mô dân số. Do đó |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | sẽ phù hợp hơn nếu quy mô dân số của địa phương được xác định theo quy định của pháp luật về thống kê (Bình Dương).<br>- Xem xét điều chỉnh tiêu chí quy mô dân số (hoặc cho nợ tiêu chí về dân số) để phù hợp với tình hình phát triển của địa phương để các địa phương từng bước hình thành và phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh khi đảm bảo các tiêu chí về điều kiện hạ tầng (Long An). |
| 1.4 | Mật độ dân số | | - Điều chỉnh lại cách tính chỉ tiêu "Mật độ dân số" cho phù hợp (Điện Biên, Ninh Bình).<br>- Đối với đô thị ở miền núi, với đặc thù là có diện tích đất tự nhiên rộng, mật độ dân cư thưa; đề xuất điều chỉnh lại tiêu chuẩn về mật độ dân số cho phù hợp (Bắc Kạn).<br>- Điều chỉnh Tiêu chí 3: Mật độ dân số toàn đô thị đề nghị bỏ nội dung này đối với các đô thị loại IV và V vì đô thị loại IV nếu chưa được công nhận là thị xã thì chưa phân thành khu vực nội thành, ngoại thành (Lai Châu).<br>- Đề nghị điều chỉnh thành Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị đối với đô thị loại I (8.000 người/km$^2$ đạt điểm tối thiểu, 10.000 người/km$^2$ đạt điểm tối đa) (Bắc Ninh).<br>- Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi quy định tiêu chuẩn mật độ dân số toàn đô thị thấp hơn so mức với quy định để phù hợp theo tình hình thực tế tại địa phương (Bình Định).<br>- Đề nghị quy định thống nhất cách xác định quy mô dân số (thường trú và tạm trú) để thống nhất phương pháp thu thập và sử dụng, tính toán số liệu. Điều chỉnh quy mô dân số toàn đô thị đối với đô thị loại IV (*đề nghị quy định mức tối đa là 30.000 dân*) (Hải Dương).<br>- Về tính điểm PLĐT, xem xét điều chỉnh bổ sung: |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | + Tại khoản 3 Điều 10 điều chỉnh, bổ sung như sau: "Đô thị được công nhận loại đô thị khi các tiêu chí đạt mức tối thiểu (trừ Tiêu chí 2 Quy mô dân số) và tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 75 điểm trở lên.";<br>+ Điều chỉnh "Bảng 3 - Mật độ dân số (tối thiểu đạt 4,5 điểm, tối đa đạt 6,0 điểm)" thành "Bảng 3 - Mật độ dân số (tối thiểu đạt 3,5 điểm, tối đa đạt 6,0 điểm)" (Kiên Giang). |
| 1.5 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | | - Đề xuất giảm chỉ tiêu tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong đô thị cho phù hợp với đặc thù khu vực các tỉnh Tây Nguyên (Gia Lai). |
| 1.6 | Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội | | - Đề nghị định nghĩa, làm rõ một số khái niệm như: "Công trình trung tâm thương mại, dịch vụ bao gồm: chợ, siêu thị,..." (Bắc Ninh). |
| 1.7 | Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật | - Quy định tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt, đề nghị xem lại tiêu chuẩn này do không phản ánh rõ được mức độ phát triển đô thị và chính sách sử dụng tiết kiệm điện và năng lượng sạch hiện nay. Nghiên cứu bổ sung tiêu chuẩn tỷ lệ sử dụng năng lượng sạch trong đô thị, số km đường điện được ngầm hóa trong đô thị.<br>- Các quy định về tiêu chuẩn cấp nước, tuyến phố văn minh chưa cụ thể, còn khó khăn trong quá trình xác định.<br>- Quy định tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%), cần làm rõ tiêu chuẩn nước sạch, hợp vệ sinh tuân theo tiêu chuẩn nào quy định hiện nay và nước sạch được tính từ nhà máy nước không tính nước sạch | - Điều chỉnh lại cách tính chỉ tiêu "Mật độ đường giao thông" (Điện Biên).<br>- Bổ sung các quy định về việc áp dụng các thông số tính toán trong quy hoạch hệ thống hạ tầng đặc biệt là hệ thống thoát nước trong điều kiện biến đổi khí hậu để làm cơ sở pháp lý cho việc áp dụng thực hiện tại địa phương (Bắc Kạn).<br>- Bổ sung tiêu chuẩn đánh giá về bãi đỗ xe tĩnh và nâng cao tỷ lệ vận tải hành khách công cộng; việc áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng; đề nghị nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế tiêu chuẩn về nhà tang lễ (Quảng Ninh).<br>- Đề nghị điều chỉnh lại mức chấm điểm của Tiêu chuẩn tỷ lệ đất giao thông; hoặc nâng yêu cầu về tỷ lệ để đạt điểm 0,75 đảm bảo tỷ lệ đạt mức điểm 0,75 của đô thị loại trên tối thiểu bằng ít nhất tỷ lệ đạt mức điểm 1,0 của đô thị thấp hơn 02 bậc. Đề nghị điều chỉnh tăng tỷ lệ đất giao thông trên dân số hoặc có phương án để các đô thị quan tâm bố trí nhiều quỹ đất cho giao thông vận tải (Ninh Bình). |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | từ giếng khoan hoặc các nguồn khác hợp vệ sinh.<br>- Quy định tuyến phố văn minh đô thị, đề nghị bổ sung các thông số kỹ thuật như: Mặt cắt đường tối thiểu, chiều dài tuyến phố, thiết kế đô thị..., làm cơ sở để chính quyền đô thị đầu tư xây dựng, công nhận và ban hành quy chế quản lý tuyến phố văn minh đô thị (Thái Nguyên).<br>- Tiêu chuẩn đánh giá về "Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (%)": Khó xác định cụ thể con số. Tiêu chuẩn đánh giá về "Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)": Chưa có định nghĩa thế nào là nước sạch, thế nào là nước hợp vệ sinh (Bình Dương). | - Đề nghị xem xét lại đơn vị tính của tiêu chí "Diện tích đất giao thông tính trên dân số" (Nghị quyết đang quy định đơn vị là Km/Km$^2$, đề nghị sử thành m$^2$/người) (Bắc Ninh).<br>- Tiêu chuẩn Mật độ đường giao thông: Đề nghị quy định cách tính về chỉ giới đường đỏ thay cho *"...tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy..."* (Đắk Lắk, Hải Dương).<br>- Tiêu chuẩn về giao thông và hạ tầng kỹ thuật thì có thể phân loại các mức độ khác nhau như giữa khu vực miền núi khác với đồng bằng (TP. Hồ Chí Minh).<br>- Về tiêu chuẩn về *"Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định"*: Cần hướng dẫn rõ hơn về cách tính đối với tiêu chí này, trường hợp nhà ở gia đình có hố tự hoại có được tính vào hay chỉ tính đối với các trường hợp được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (Bình Dương).<br>- Đề nghị rà soát, giảm một số chỉ tiêu tại các tiêu chuẩn như: Diện tích sàn nhà ở; Mật độ đường giao thông (tính đến đường xe chạy ≥7,5m); Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; Đất cây xanh toàn đô thị, đất cây xanh khu vực nội thành nội thị; Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị (Đồng Tháp). |
| 1.8 | Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường | Tiêu chuẩn về cây xanh đô thị: Thực tế các đô thị loại V tại địa phương được phát triển từ các xã nông nghiệp. Ngoài khu vực trung tâm xã có dân cư tập trung đông đúc mang hình thái của đô thị thì phần còn lại của xã vẫn còn diện tích lớn đất nông nghiệp với đa số là đất trồng cây lâu năm. Do đó, nếu đánh giá theo lượng cây xanh đơn thuần thì các xã có diện | - Đề nghị tăng tiêu chuẩn tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng so với mức quy định cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay (Bắc Ninh).<br>- Tiêu chuẩn về nhà tang lễ: Đề nghị quy định đối với các đô thị loại I và Đặt biệt; các đô thị còn lại được tính cho các khu vực hành lễ trong các khu vực nghĩa trang (Đắk Lắk).<br>- Về tiêu chuẩn về *"Số lượng nhà tang lễ"*: Đối với cấp huyện tiêu chuẩn đạt đô thị loại I có từ 2-4 nhà tang lễ. Cần tính toán giảm bớt số lượng nhà tang lễ hoặc tính trên bán kính phục vụ (có thể sử dụng chung đối với cấp |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | tích cây xanh rất lớn nhưng nếu xét riêng cây xanh sử dụng công cộng đô thị thì rất khó đạt mức theo quy định của Nghị quyết 1210 (Bến Tre).<br>- Xem xét đối với các đô thị loại V, các tiêu chuẩn như nhà tang lễ hầu như ở các đô thị loại V không có nhu cầu sử dụng (Đắk Nông). | huyện giáp ranh địa giới hành chính), quy mô dân số của đô thị (Bình Dương).<br>- Về tiêu chuẩn về *"Đất cây xanh đô thị"* ($m^2$/người): Hiện nay chưa có hướng dẫn cách quy đổi đất cây xanh đường phố, giáo dục, y tế, tôn giáo, canh xanh cách ly, kiến nghị có hướng dẫn cụ thể cách tính quy đổi (Bình Dương).<br>- Đối với tiêu chuẩn tỷ lệ nước thải đô thị đạt quy chuẩn kỹ thuật kính đề nghị xem xét bỏ tiêu chuẩn này ra trong quá trình xét đề nghị nâng loại, công nhận cho đô thị loại IV, V hoặc điều chỉnh thành tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đảm bảo vệ sinh cho 02 loại đô thị nêu trên (Hậu Giang). |
| 1.9 | Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị | Hiện nay chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể về các tiêu chí cho tuyến phố văn minh, nên việc xác định tuyến phố văn minh là rất khó (Bình Dương). | - Đề nghị điều chỉnh quy định Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị quy định cụ thể số lượng và quy mô các dự án; hoặc điều chỉnh thành quy định về tổng chi phí hàng năm đô thị bố trí cho việc cải tạo, chỉnh trang đô thị (Ninh Bình).<br>- Tiêu chuẩn về công trình kiến trúc tiêu biểu: Đề nghị quy định cụ thể số lượng, yêu cầu đối với đô thị (Ninh Bình).<br>- Đối với tiêu chuẩn về Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Luật Kiến trúc năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 đã bãi bỏ Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thay bằng Quy chế quản lý kiến trúc lập cho các đô thị và điểm dân cư nông thôn. Do đó, việc đưa tiêu chuẩn này vào không còn phù hợp (Hà Nam, Bến Tre). |
| 1.10 | Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị | | - Nhóm tiêu chuẩn 5.B - Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị: Không phù hợp với đô thị loại IV là thị trấn, chỉ phù hợp với đô thị loại IV là thị xã vì đô thị loại IV nếu chưa được công nhận là thị xã thì chưa phân thành khu vực nội thành, ngoại thành do đó đề nghị bỏ tính điểm đối với tiêu chuẩn này cho thị trấn, đô thị loại IV (Lai Châu). |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 1.11 | Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường, quận | | - Không có thông tin. |
| 1.12 | Đề xuất bổ sung các tiêu chí, tiêu chuẩn mới, phương pháp tính điểm mới | | - Tỉnh Bình Dương đề nghị bổ sung một số tiêu chuẩn phù hợp hơn trong tình hình mới như:<br>+ Điều chỉnh thay thế chỉ tiêu: *"Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số"* bằng chỉ tiêu: *"Khu vực phát sóng wifi miễn phí của Nhà nước thực hiện"* (đơn vị tính bằng khu vực).<br>+ Điều chỉnh đơn vị tính: *"$m^2$/người"* đối với chỉ tiêu: *"Đất cây xanh toàn đô thị", "Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị"* bằng đơn vị tính *"Tỷ lệ % đất cây xanh so với tổng diện tích đô thị, nội thị"*.<br>+ Bổ sung chỉ tiêu: *"Các tuyến đường chính khu vực được quét dọn, vệ sinh thường xuyên"* (đơn vị tính %).<br>+ Xem xét bổ sung tiêu chí về *"An toàn giao thông"* và tiêu chí về *"Khắc phục điểm ngập đô thị"*.<br>+ Cần quy định rõ về quy mô, phân nhóm công trình dự án về *"Cải tạo, chỉnh trang đô thị"*.<br>- Về phương pháp tính điểm: Đối với đô thị loại V và IV, các tiêu chuẩn tiệm cận dưới mức tối thiểu cũng được nội suy nhằm khuyến khích, tạo động lực để nâng loại đô thị (Hải Dương).<br>- Theo đánh giá số điểm của từng tiêu chuẩn thì nếu hiện trạng tiêu chuẩn đạt cận dưới của tiêu chuẩn đó thì tính điểm tối thiểu, hiện trạng tiêu chuẩn đạt hoặc lớn hơn cận trên thì tính điểm tối đa. Trường hợp hiện trạng tiêu chuẩn đạt trong khoảng cận trên và cận dưới thì điểm tiêu chuẩn đó sẽ được tính bằng cách nội suy. Tuy nhiên trong quá trình đánh giá các tiêu chuẩn của đô thị có một số tiêu chuẩn đạt hơn 90% của cận dưới vẫn bị đánh giá là |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 0 điểm. Do đó, đề nghị trường hợp hiện trạng tiêu chuẩn đạt trên 70% của cận dưới vẫn tính điểm bằng cách nội suy (Hậu Giang). |
| ***II*** | ***Phân loại đô thị áp dụng cho một số đô thị có tính chất đặc thù*** | | |
| | | - Trong xây dựng tiêu chí cần chuyển cơ cấu đánh giá của tiêu chuẩn dân số đô thị với yêu cầu về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo tính chất của đô thị. Xem việc khuyến khích về xây dựng hệ thống hạ tầng theo *đặc thù* (sinh thái, du lịch,…) là ưu tiên hơn so với số lượng dân số. Việc này sẽ góp phần rất lớn vào chất lượng đời sống người dân trong thực tế (Cần Thơ). | - Đô thị loại II ở miền núi, vùng cao, có đường biên giới quốc gia thì tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 70% mức quy định, các tiêu chí khác tối thiểu đạt 80% mức quy định của loại đô thị tương ứng; Đô thị loại IV miền núi giảm xuống 500người/km2; Đối với dân số của đô thị miền núi áp dụng 50% mức quy định tối thiểu; giảm các tiêu chuẩn: *Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị; Mật độ đường cống thoát nước chính; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; Số nhà tang lễ; Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị; Không gian công cộng của đô thị.* (*Hòa Bình)*<br>- Điều chỉnh bổ sung: "Đô thị là trung tâm du lịch, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo ở miền núi, vùng cao, có đường biên giới quốc gia thì tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 50% mức quy định, tiêu chí Mật độ dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 20% mức quy định; các tiêu chí khác phải đảm bảo mức quy định của loại đô thị tương ứng" (Điện Biên).<br>- Xem xét điều chỉnh quy định "Đô thị loại III, loại IV và loại V ở miền núi, vùng cao, có đường biên giới quốc gia thì tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 40% mức quy định; các tiêu chí khác tối thiểu đạt 70% mức quy định của loại đô thị tương ứng" (Lai Châu).<br>- Đề xuất kiến nghị khi tính quy mô dân số cho các đô thị miền núi thì hệ số vùng miền tương đương với 30% mức quy định, thay cho quy định hiện nay là 50% (Lai Châu).<br>- Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung phân loại đô thị riêng cho từng khu vực miền núi, vùng cao, đô thị có đường biên giới quốc gia, đô thị xanh để đảm bảo khả năng phân loại đô thị cho từng khu vực (Lào Cai).<br>- Đề xuất đô thị đặc thù di sản: "Tiêu chí vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo không thấp hơn 70% mức |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | quy định; tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người năm đảm bảo không thấp hơn 80% thu nhập bình quân đầu người năm của cả nước; Các tiêu chí về quy mô dân số khu vực nội thành, mật độ dân số toàn đô thị và khu vực nội thành, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị và khu vực nội thành có thể thấp hơn mức quy định do hạn chế quy mô và mật độ phát triển để phát huy tối đa giá trị, giữ gìn nguyên trạng và bảo tồn di sản, cảnh quan, trong đó, tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 50% mức quy định, tiêu chí về mật độ dân số đảm bảo duy trì ở mức hiện trạng để bảo tồn và phát huy giá trị di sản; các tiêu chí khác tối thiểu đạt 70% mức quy định" (Thừa Thiên Huế).<br><br>- Tỉnh Đồng Tháp đề xuất sửa: "Điều 9. Phân loại đô thị áp dụng cho một số đô thị có tính chất đặc thù:<br><br>1. Đô thị là trung tâm du lịch, khoa học và công nghệ, giáo dục, đào tạo được xác định theoTiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò của đô thị thì tiêu chí quy mô dân số và mật độ dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 70% mức quy định; các tiêu chí khác phải bảo đảm mức quy định của loại đô thị tương ứng.<br><br>2. Đô thị từ loại II đến loại V ở miền núi, vùng cao, có đường biên giới quốc gia hoặc là trung tâm tổng hợp, chuyên ngành gắn với các Cửa khẩu Quốc tế, có vai trò thúc đẩy giao lưu phát triển kinh tế - xã hội giữa các nước có chung đường biên giới quốc gia, có ý nghĩa quan trọng về an ninh, quốc phòng thì tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 50% mức quy định; các tiêu chí khác tối thiểu đạt 70% mức quy định của loại đô thị tương ứng."<br><br>- Giảm tỷ lệ quy định "*Đô thị loại III, IV và loại V ở miền núi, vùng cao,…*" đối với các đô thị vùng Tây Nguyên.<br><br>- Điều chỉnh tiêu chí 2, giảm quy mô dân số toàn đô thị đối với các đô thị vùng Tây Nguyên; các đô thị loại IV, loại V là thị trấn, không hình thành khu vực nội thị, ngoại thị, chỉ có xây dựng tập trung. Đề nghị bỏ tính điểm tiêu chí này đối với các đô thị loại IV, V. Điều chỉnh tiêu chí 3, giảm mật độ dân số toàn đô thị đối với các đô thị vùng Tây Nguyên. Nghiên cứu điều |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | chỉnh một số tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại IV, V phù hợp với đô thị miền núi, vùng cao (Đắk Nông, Kon Tum).<br>- Đối với các tiêu chuẩn về giao thông, với đặc thù là vùng sông nước thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, kiến nghị trong nội dung đánh giá cần xem xét thêm mạng lưới giao thông đường thủy (Bến Tre).<br>- Kiến nghị xem xét về chỉ tiêu quy mô dân số nên quy định theo vùng, miền phù hợp với tính chất hình thái đặc trưng của đô thị. Cụ thể, đô thị loại I; 500.000 dân, loại IV: 50.000 dân là chưa phù hợp với các đô thị vùng ĐBSCL (An Giang). |
| ***III*** | ***Đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu*** | | |
| | | | - Bổ sung các quy định cụ thể về đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu (Bắc Kạn, Quảng Ninh)<br>- Ban hành Luật Quản lý phát triển đô thị có khả năng điều chỉnh các yếu tố mới phát sinh trong phát triển đô thị như đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu (Sơn La).<br>- Đề nghị bổ sung tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể để xác định đô thị thông minh; quy định cụ thể tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và quản lý đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, đô thị tăng trưởng xanh và có các cơ chế cụ thể về ưu đãi, khuyến khích phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu (Phú Yên).<br>- Tỉnh Bình Dương đề nghị xây dựng khung pháp lý chung, bộ tiêu chí đánh giá, hoặc các quy chuẩn, tiêu chuẩn cho đô thị thông minh, làm cơ sở cho các địa phương triển khai quy hoạch, đầu tư thực hiện nhằm đảm bảo khả năng tương tác, hoạt động đồng bộ giữa các đô thị thông minh.<br>+ Có cơ chế, chính sách áp dụng cho các khu vực triển khai đô thị thông minh, nhằm thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước, đặc biệt về lĩnh vực CNTT&TT và sản xuất thông minh - tiên tiến, cùng vào đầu tư, tham gia công tác nghiên cứu, thử nghiệm, thí điểm các dự án mới, triển khai các khu thí điểm thực tế. |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | + Ban hành quy chế phối hợp, liên thông, đa ngành để phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu về đất đai, môi trường, đô thị, xây dựng và các dữ liệu khác trên nền GIS, để phục vụ nhiều nhiệm vụ khác nhau như xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, cải cách hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, trung tâm điều hành Thành phố thông minh.<br>- Nghiên cứu, chỉnh sửa cách tính điểm cho các tiêu chuẩn, tiêu chí theo loại đô thị thông minh, sinh thái. Bổ sung các tiêu chí phù hợp để áp dụng phân loại, công nhận đô thị có tính đến yếu tố khu vực miền núi, địa phương, loại đô thị (thông minh, sinh thái) (Kon Tum). |
| ***IV*** | ***Chương trình phát triển đô thị*** | | |
| | | - Theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 NQ1210 quy định "Việc phân loại đô thi được thực hiện trên cơ sở…". Tuy nhiên tại Khoản 1 Điều 6 TT12/2014/TT-BXD quy định: "CT PTĐT từng đô thị được lập cho đô thị trực thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương không có đô thị trực thuộc". Như vậy, đối với việc lập CT PTĐT từng đô thị cho Tp.Hải Phòng là chưa có cơ sở để triển khai thực hiện (Hải Phòng). | - Đề nghị rà soát, quy định thống nhất việc lập Chương trình phát triển đô thị để tiết kiệm kinh phí và đẩy nhanh tiến trình phân loại đô thị (Lào Cai).<br>- Đề xuất điều chỉnh NQ1210 theo hướng xem xét về sự cần thiết lập CT PTĐT từng đô thị đối với TP trực thuộc Trung ương (Hải Phòng). |
| ***V*** | ***Quy trình thẩm định*** | Hiện nay, theo trình tự thực hiện, đề án phải được UBND và HĐND cấp huyện thông qua trước khi trình Sở Xây dựng tỉnh thẩm định. Sau khi Sở Xây dựng lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan và đảm bảo các yêu cầu, mới trình UBND tỉnh và UBND cấp | - Quy định cụ thể hồ sơ thẩm định, thành viên hội đồng thẩm định, số liệu cần thu thập, đồng thời có trang thông tin chính thức (Lào Cai).<br>- Cần làm rõ trước khi tổ chức lập Đề án PLĐT, thành lập đô thị loại V cho các xã có phải tổ chức lập QHCĐT (Hải Dương).<br>- Về đối tượng và phạm vi PLĐT (Điều 1), xem xét bổ sung: |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | tỉnh có tờ trình trình HĐND tỉnh thông qua. Sau khi có Nghị quyết chấp thuận của HĐND cấp tỉnh, UBND tỉnh có tờ trình trình Bộ xây dựng thẩm định, vì vậy thời gian lập hồ sơ công nhận đô thị có thể kéo dài do phải phụ thuộc vào thời gian họp HĐND (Bình Dương). | + Khoản 2 Điều 1: Bổ sung quy định đối với thành phố thuộc tỉnh dự kiến mở rộng phạm vị đô thị đảm bảo tiêu chuẩn của thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 NQ1211.<br>+ Khoản 3 Điều 1: Bổ sung lồng ghép Khoản 3 Điều 12 quy định "Đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc TW dự kiến mở rộng phạm vi đô thị…".<br>+ Bổ sung Khoản 4 Điều 1: Lồng ghép Khoản 3 Điều 12 quy định "Đối với thị trấn được dự kiến mở rộng phạm vi đô thị để thành lập đơn vị hành chí đô thị mới…" (Kiên Giang). |
| ***VI*** | ***Thẩm quyền thẩm định*** | Theo quy định tại Mục 3, Điều 13 của NQ 1210 quy định "Đề án trình thẩm định gồm tờ trình của Ủy ban nhân dân và nghị quyết của Hội đồng nhân dân có thẩm quyền; đề án phân loại đô thị; các văn bản pháp lý có liên quan". Tuy nhiên chưa nêu rõ là UBND, HĐND cấp nào (huyện hay tỉnh) (Bình Định, Bình Dương). | - Tại Khoản 3 Điều 13 *"Đề án trình thẩm định gồm tờ trình của ủy ban nhân dân và nghị quyết của Hội đồng nhân dân có thẩm quyền;..."*, qua thực tiễn tại địa phương, chưa rõ là Nghị quyết của HĐND có thẩm quyền là cấp nào. Đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định Nghị quyết của HĐND có thẩm quyền (cấp tỉnh, huyện, xã) đối với từng loại đô thị (Bình Định, Bình Dương). |
| ***VII*** | ***Khái niệm mới*** | | - Đề nghị xem xét làm rõ hơn khái niệm "đô thị trong đô thị" và bổ sung thêm các quy định xác định về ranh giới cụ thể đối với các đô thị trên địa bàn thành phố, làm cơ sở triển khai việc PLĐT trên địa bàn thành phố, tổ chức quy hoạch, quản lý đầu tư PTĐT, đặc biệt tại các khu vực phát triển mở rộng đô thị (Hải Phòng). |
| ***VIII*** | ***Quan hệ giữa nâng loại đô thị và nâng cấp hành chính*** | | - Cần xem xét, nghiên cứu đảm bảo tính thống nhất, đảm bảo mục tiêu việc hình thành, nâng cấp đô thị tương ứng với việc phân loại đơn vị hành chính (Nam Định).<br>- Cần nghiên cứu thay đổi để có sự linh hoạt, tiến gần tới mục tiêu sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính hơn. Việc tính điểm của NQ 1210 cần đặt ra một "tiêu chí tối thiểu", nếu không đạt được tiêu chí tối thiểu này, bất kể |

| TT | Nhóm vấn đề | Khó khăn, vướng mắc | Đề xuất, kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | tổng điểm có đạt hay không, thì việc xếp loại đơn vị hành chính sẽ bị hạ xuống một bậc (TP. Hồ Chí Minh).<br><br>- Đối với tiêu chuẩn của quận theo Khoản 5, Điều 7 Nghị Quyết 1211 quy định hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị Quyết 1210 đề nghị xem xét quy định mức đạt tối thiểu đối với các tiêu chuẩn này để có đánh giá cho phù hợp hoặc quy định lộ trình để đạt theo các mức tiêu chuẩn trên cho phù hợp. Đồng thời, khi lập các chỉ tiêu về các công trình hạ tầng xã hội, tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật đô thị cần nghiên cứu rà soát để thống nhất với các chỉ tiêu của Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng đô thị hiện hành (TP. Hồ Chí Minh).<br><br>- Kiến nghị đảm bảo sự thống nhất giữa NQ 1210 và NQ 1211, cụ thể về trình tự, thủ tục công nhận đơn vị hành chính, công nhận loại đô thị:<br><br>Tại Khoản 2, Điều 1, NQ 1210 quy định: *"Thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương được phân loại đô thị theo tiêu chí đô thị loại I hoặc đô thị loại II hoặc đô thị loại III"* và tại khoản 4, điều 5, NQ 1211 quy định tiêu chuẩn của thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: *"Đã được công nhận là đô thị loại I hoặc loại II hoặc loại III; hoặc khu vực dự kiến thành lập thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương đã được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại I hoặc loại II hoặc loại III"*. Vì vậy, kiến nghị làm rõ quy định đối với các đô thị đã đạt loại III thì cần phải công nhận đô thị lên loại II trước khi công nhận đơn vị thành phố, hay công nhận thành phố trước khi nâng loại đô thị lên loại II. |